

**QUYẾT ĐỊNH  
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH  
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Hà Ngân

*Thư ký ghi biên bản phiên họp:* Bà Ngô Khánh Chi

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp:* Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý 79/2022/TLST- HNGĐ ngày 06/5/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 51/2022/QĐ-TA ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Chị Lê Thị T, sinh năm 1996. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Mai Văn Phúc, sinh năm 1988. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

*Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Lê Thị T và anh Mai Văn Phúc, cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc dân sự có nội dung:*

\* Về tình cảm: Chị Lê Thị T và anh Mai Văn Phúc do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/01/2017 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống được một thời gian thì năm 2018 anh Phúc lao động ở Đài Loan đến năm 2019 chị T cũng sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Kể từ thời điểm đó, vợ chồng anh Phúc, chị T ít liên lạc, cả hai không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau để vun đắp hạnh phúc nên tình cảm ngày một nhạt phai. Chị T và anh Phúc thừa nhận không còn tìm được tiếng nói chung, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, hàn gắn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

\* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Mai Yên A, sinh ngày 29/11/2017. Cả hai thống nhất giao con chung là cháu Mai Yên A cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng, anh Mai Văn P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng và được quyền đi lại thăm nom con mà không bị ai ngăn cấm.

\* Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người tham gia tố tụng khác bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn D, trú tại thôn Lâm Vượng, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (bố mẹ ruột chị T) đồng ý nhận ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ của chị Lê Thị T và anh Mai Văn P. Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn D có đơn tình nguyện nuôi cháu Mai Yên A trong thời gian chị Lê Thị T ở nước ngoài và cam kết chăm sóc cháu tốt, không yêu cầu gì về việc nuôi dưỡng.

Tại phiên họp, chị Lê Thị T và anh Mai Văn P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 149, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2003/NĐ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao, giải quyết việc hôn nhân gia đình giữa các đương sự như sau:

- Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Mai Văn Phúc.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, giao con chung Mai Yên A (sinh ngày 29/11/2017) cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị T lao động ở nước ngoài, cháu A sẽ do ông bà ngoại trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Mai Văn P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về lệ phí: Các đương sự nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị T và anh Mai Văn P đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến

hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị Lê Thị T và anh Mai Văn Ptheo thủ tục chung.

[1.2] Tại Công văn số 8026/QLXNC-P5 ngày 25/4/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện “Anh Mai Văn Phúc, sinh ngày 12/02/1988 lần xuất cảnh gần nhất ngày 13/3/2020 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài và chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 29, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của chị Lê Thị T và anh Mai Văn Pthuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.3] Quá trình giải quyết, chị Lê Thị T và anh Mai Văn Pngoài các tài liệu chứng cứ gửi về cho tòa án qua đường bưu chính, đều có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Các tài liệu chứng cứ của chị Lê Thị T, anh Mai Văn Pđã được thực hiện giám định chữ ký và được xác định là hợp pháp.

[1.4] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Mai Văn Pđược xây dựng trên cơ sở tình yêu, tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống được một thời gian thì năm 2018, anh Mai Văn Pđi lao động tại Đài Loan đến năm 2019 chị Lê Thị T cũng sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Trong thời gian đi làm ăn xa, dù cùng làm việc tại Đài Loan nhưng do thiếu sự quan tâm, chia sẻ với mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình nên đời sống hôn nhân của chị T, anh Pngày càng phai nhạt, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh Pvà chị T đều thừa nhận đã không còn tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn, níu kéo cũng không hạnh phúc. Hai vợ chồng đều khẳng định không thể tiếp tục gắn bó tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...” (Điều 55).

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Lê Thị T và anh Mai Văn P hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị T, anh P và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định

tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa các đương sự, giải quyết cho chị Lê Thị T và anh Mai Văn Phước thuận tình ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

**[2.2] Về quan hệ con chung:**

Cả hai thống nhất giao con chung là cháu Mai Yên A, sinh ngày 29/11/2017 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng, anh Mai Văn Phước tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không bị ai ngăn cấm.

Chị Lê Thị T hiện đang đi làm ăn xa nên không thể trực tiếp thực hiện việc nuôi con, chị T đã thống nhất nhờ bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn D (bố mẹ ruột chị T) nuôi dưỡng cháu Mai Yên A trong thời gian chị đi làm ăn xa. Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn D đã có văn bản về việc tình nguyện nuôi dưỡng cháu Mai Yên A trong thời gian chị T chưa về nước.

Xét sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn của chị Lê Thị T và anh Mai Văn Phước phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung.

Cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn của các đương sự.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:**

Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Mai Văn Phước để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 227, 361, 367, 369, 370, 371, 469, 479 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Mai Văn Phước.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung là cháu Mai Yên A, sinh ngày 29/11/2017 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng (bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn D thay chị Lê Thị T nuôi dưỡng cháu Mai Yên A trong thời gian chị Lê Thị T đi vắng), anh Mai Văn Phước tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không bị ai ngăn cấm.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Lê Thị T theo biên lai số 0000182 ngày 06/5/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 17/6/2022.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đường sự ;
- Lưu HS, TDS.

**THẨM PHÁN - CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Hà Ngân**